

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/DS-ST
Ngày 30-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thảo
- Bà Võ Thị Hồng Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-DS ngày 09/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Bà Đặng Phạm Thúy D, sinh năm 1987; địa chỉ: 2 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng M và ông Nguyễn Thái H có quan hệ bạn bè ngoài xã hội. Vào năm 2020, vợ chồng ông Nguyễn Thái H cần tiền mua đất nên có vay tiền của ông Nguyễn Hoàng M nhiều lần. Lần thứ nhất ngày 01/10/2020 ông Nguyễn Hoàng M chuyển khoản vào tài khoản số 65110001963785 của ông Nguyễn Thái H số tiền 100.000.000 đồng, lần thứ hai ông H mượn 150.000.000 đồng nhưng ông M không có tiền nên đứng ra bảo lãnh cho ông H để ông Nguyễn Trường X cho ông H vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 15/10/2020, với điều kiện ông H phải chịu trách nhiệm về số tiền này với ông X. Ngày 16/10/2020, ông H lại tiếp tục mượn số tiền 100.000.000 đồng, ông M đã chuyển khoản cho ông H số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay khoản 2-3 tháng, lãi suất 5% tháng, ông H trả tiền lãi được 3 tháng sau đó không trả. Đến hạn ông H không trả được tiền vay số tiền 350.000.000 đồng, ông H lại nhờ ông M vay thêm 300.000.000 đồng nhưng thời điểm này ông M không có tiền nên đi vay ngân hàng S cho ông H được số tiền 150.000.000 đồng, vào ngày 01/3/2023. Do việc vay mượn trước đó không có lập giấy tờ nên ngày 04/3/2023 tại Văn phòng C vợ chồng ông H ký hợp đồng vay tài sản xác nhận lại số tiền đã vay của ông M là 500.000.000 đồng và hẹn trong thời hạn 06 tháng sẽ trả. Đến ngày 12/6/2023, ông H nhờ ông M vay thêm khoản tiền 27.000.000 đồng từ Ngân hàng V, hình thức vay ông M làm thẻ tín dụng giao cho ông H rút tiền, ông H đã rút số tiền 27.000.000 đồng và không trả tiền lãi cho ngân hàng, tiền lãi ông M đóng hàng tháng. Ngoài ra vợ chồng ông H còn ký Giấy bán đất cho ông M với cam kết không trả được tiền vay thì bán 100m² đất tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để trừ nợ. Hết thời hạn vay ông H và bà D không trả được nợ nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả tổng số tiền 871.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2024, nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau yêu cầu bị đơn trả cho ông M số tiền gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 04/3/2023 là 350.000.000 đồng và số tiền nợ thẻ là 27.000.000 đồng, tổng cộng là 377.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ tháng 3/2023 đến tháng 12/2024 với số tiền là 132.213.000 đồng. Đối với số tiền 150.000.000 đồng của ông X cho ông H vay mà ông M phải có trách nhiệm trả cho ông X, ông M sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Đối với việc mua bán đất giữa ông M và vợ chồng ông H thì ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Thái H và bà Đặng Phạm Thúy D:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 09/12/2024, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về trả tiền nợ gốc là có căn cứ chấp nhận. Riêng yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/ năm là không có cơ sở, chỉ có cơ sở chấp nhận mức 10%/năm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Theo biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường T, thành phố T xác định ông Nguyễn Thái H có đăng ký thường trú tại địa chỉ tổ B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không trình báo nên chính quyền địa phương không biết hiện cư trú tại đâu.

Theo biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường Đ, thành phố D xác định bà Đặng Phạm Thúy D có đăng ký thường trú tại địa chỉ 2 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không trình báo nên chính quyền địa phương không biết hiện cư trú tại đâu

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bị đơn về làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 25/12/2024 và 30/12/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M rút một phần yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc với số tiền 150.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện, tự định đoạt của nguyên đơn nên căn cứ điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc số tiền 377.000.000 đồng của nguyên đơn.

Nguyên đơn xác định bị đơn vay tiền mặt số tiền 500.000.000 đồng được thể hiện thông qua hợp đồng vay tiền ngày 04/3/2023 và 27.000.000 đồng là nguyên đơn cho bị đơn vay qua thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Q.

Xét hợp đồng vay tiền ngày 04/3/2023 thể hiện bị đơn vay nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là phiếu chuyển tiền ngày 01/10/2023 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 16/3/2023 số tiền 100.000.000 đồng, giấy vay tiền ông Nguyễn Trường X cho bị đơn mượn số tiền 150.000.000 đồng và hợp đồng vay tiền Ngân hàng S số tiền 150.000.000 đồng. Các chứng cứ này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định bị đơn đã nhận số tiền 500.000.000 đồng từ nguyên đơn. Riêng số tiền 150.000.000 đồng ông Nguyễn Trường X cho vay nguyên đơn không yêu cầu. Về số tiền 27.000.000 đồng vay qua thẻ, nguyên đơn cung cấp được hồ sơ phát hành thẻ và chứng cứ giao thẻ cho bị đơn, cũng như lời thừa nhận của bị đơn thông qua tin nhắn Zalo nói chuyện với nguyên đơn. Nên có cơ sở xác định bị đơn nợ số tiền 27.000.000 đồng của nguyên đơn. Từ những phân tích trên xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn với số tiền 377.000.000 đồng.

[3.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn trình bày lãi suất khi cho vay thoả thuận là 5% nhưng không có biên bản ghi rõ lãi suất. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất là 20%/năm tính từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024 là 21 tháng tương ứng số tiền 132.213.000 đồng. Xét thoả thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày là không có căn cứ, bởi lẽ không có văn bản thể hiện là khoản vay có lãi cụ thể như thế nào nên xác định đây là khoản vay không có thoả thuận lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm trả thì mức lãi suất áp dụng là 10%/năm nên mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần tiền lãi tương ứng với số tiền 65.711.100 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000 đồng và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên, đã quyết toán xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái H và bà Đặng Phạm Thúy D trả số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái H và bà Đặng Phạm Thúy D trả số tiền nợ gốc 377.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng) và chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với số tiền 65.711.100 đồng (Sáu mươi năm triệu, bảy trăm mười một nghìn, một trăm đồng).

Tổng số tiền ông Nguyễn Thái H và bà Đặng Phạm Thúy D phải trả cho ông Nguyễn Hoàng M là 442.711.100 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm mười một nghìn, một trăm đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái H và bà Đặng Phạm Thúy D trả số tiền lãi là 66.501.500 đồng (Sáu mươi sáu triệu, năm trăm lẻ một nghìn, năm trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thái H và bà Đặng Phạm Thúy D phải chịu 21.708.444 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hoàng M phải chịu 3.325.095 đồng (Ba triệu, ba trăm hai mươi năm nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng M số tiền 15.739.905 đồng (Mười năm triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm lẻ năm đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu tiền số 0004301 ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND TP Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS TP Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

Nguyễn Ngọc Quyết